

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/HNGĐ- ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 673/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh **Lưu Văn Th**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, bản tự khai ngày 21/4/2023, các lời khai tiếp theo có tại hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 27/5/2010.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường

xuyên cãi vả không có tiếng nói chung. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm và tìm cách dung hòa nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Th đã ly thân được 02 năm nay. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Th được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị Q khai có 02 con chung tên là Lưu Trần Kiều Tr, sinh ngày 20/07/2011 và Lưu Trần Kiều M, sinh ngày 03/08/2015. Sau khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và giao cháu M cho anh Th nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị Q xin được vắng mặt tại buổi xét xử.

*** Bị đơn anh Lưu Văn Th được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có lời trình bày của anh Th.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Q và anh Th theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q cho chị Q được ly hôn với anh Th. Giao con chung cháu Lưu Trần Kiều Tr, sinh ngày 20/07/2011 cho chị Q nuôi dưỡng và giao con chung cháu Lưu Trần Kiều M, sinh ngày 03/08/2015 cho anh Th nuôi dưỡng; Tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị Q khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Chị Q khai không có nên không xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Q vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự

nhưng anh vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Q và anh Th theo quy định.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Trần Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lưu Văn Th và yêu cầu giao con chung cháu Lưu Trần Kiều Tr, sinh ngày 20/07/2011 cho chị Q nuôi dưỡng, giao con chung cháu Lưu Trần Kiều M, sinh ngày 03/08/2015 cho anh Th nuôi dưỡng; Tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị Q và anh Th chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 27/5/2010, vì vậy căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

[2]. Về Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn Th.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ph thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị Q và anh Th. Anh Lưu Văn Th hiện tại đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Th biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh Th vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh Th và chị Q đoàn tụ. Qua ý kiến của chị Q thể hiện chị Q và anh Th chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010).

Về con chung: Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được trong hồ sơ và lời khai của chị Q xác định chị Q và anh Th có 02 con chung là cháu Lưu Trần Kiều Tr, sinh ngày 20/07/2011 và Lưu Trần Kiều M, sinh ngày 03/08/2015. Tại bản tự khai đề ngày 21/4/2023 cháu Tr có nguyện vọng được ở với chị Q và cháu M có nguyện vọng được ở với anh Th. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của mình, chị Q tiếp tục giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và giao cháu M cho anh Th nuôi dưỡng, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị Q về việc chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tr và giao cháu M cho anh Th nuôi dưỡng, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận vì phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần giao con chung cháu Tr cho chị Q nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh Th nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời chị Q và anh Th không ai

phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Q và anh Th được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009987 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Q đã nộp đủ án phí.

* Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Q đối với bị đơn anh Lưu Văn Th về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Xử: Cho chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

Về con chung: Giao con chung cháu Lưu Trần Kiều Tr, sinh ngày 20/07/2011 cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung cháu Lưu Trần Kiều M, sinh ngày 03/08/2015 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị Q và anh Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Q và anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Q khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009987 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Q đã nộp đủ án phí.

3. Chị Q và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND thị trấn Ph,
huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng tư pháp huyện;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Đình Hiền